

Cao Bằng, ngày 26 tháng 8 năm 2022

ĐIỂM THI

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 22

Phần F.I - Nghiên cứu thực tế

| STT | Họ và tên | Điểm | | STT | Họ và tên | Điểm | |
|-----|---------------------|------|-------------------|-----|---------------------|------|-------------------|
| | | Số | Bảng chữ | | | Số | Bảng chữ |
| 1 | Nông Thị Anh | 9,25 | Chín phẩy hai năm | 41 | Ngô Thị Ngọc Linh | 8,50 | Tám phẩy năm |
| 2 | Nông Thị Ao | 8,50 | Tám phẩy năm | 42 | Hoàng Thị Mai | 8,50 | Tám phẩy năm |
| 3 | Nông Thị Bạch | 8,50 | Tám phẩy năm | 43 | Nguyễn Phương Mai | 9,00 | Chín |
| 4 | Lục Thị Châm | 8,25 | Tám phẩy hai năm | 44 | Nông Thị Niệm | 8,50 | Tám phẩy năm |
| 5 | Lê Kiên Chung | 9,75 | Chín phẩy bảy năm | 45 | Dương Thị Ngân | 9,00 | Chín |
| 6 | Hoàng Thị Chuyên | | Thôi học | 46 | Phạm Thị Nhân | 8,75 | Tám phẩy bảy năm |
| 7 | Phan Đoàn Dân | 8,50 | Tám phẩy năm | 47 | Triệu Thị Nháy | 9,25 | Chín phẩy hai năm |
| 8 | Hà Thị Phương Dung | 8,50 | Tám phẩy năm | 48 | Phùng Tồn Nhất | 8,50 | Tám phẩy năm |
| 9 | Vi Thị Dung | 8,50 | Tám phẩy năm | 49 | Chu Thị Nhậ | 8,75 | Tám phẩy bảy năm |
| 10 | Bê Thị Dung | 8,50 | Tám phẩy năm | 50 | Hoàng Thị Nhiệm | 8,75 | Tám phẩy bảy năm |
| 11 | Luân Tuấn Đạt | 8,50 | Tám phẩy năm | 51 | Nông Thị Hồng Nhung | 9,25 | Chín phẩy hai năm |
| 12 | Nông Tiến Đạt | 9,50 | Chín phẩy năm | 52 | Phạm Thị Lưu Như | 8,50 | Tám phẩy năm |
| 13 | Trần Văn Đạt | 8,50 | Tám phẩy năm | 53 | Thẩm Thị Phúc | 8,50 | Tám phẩy năm |
| 14 | Lưu Chí Đức | 8,50 | Tám phẩy năm | 54 | Hoàng Thúy Quỳnh | 8,50 | Tám phẩy năm |
| 15 | Tô Thị Giang | 9,25 | Chín phẩy hai năm | 55 | Hứa Mạnh Toàn | 8,50 | Tám phẩy năm |
| 16 | Đào Thị Hạnh | 9,00 | Chín | 56 | Đỗ Thị Thanh Tú | 8,75 | Tám phẩy bảy năm |
| 17 | Chu Thị Hào | 8,50 | Tám phẩy năm | 57 | Phùng Ngọc Tú | 8,50 | Tám phẩy năm |
| 18 | Hoàng Thị Tú Hiền | 9,00 | Chín | 58 | Mông Tô Tuyên | 8,50 | Tám phẩy năm |
| 19 | Hoàng Thị Hiền | 8,25 | Tám phẩy hai năm | 59 | Nông Văn Tư | 8,50 | Tám phẩy năm |
| 20 | Nông Trung Hiếu | 9,50 | Chín phẩy năm | 60 | Lâm Đức Thành | 8,50 | Tám phẩy năm |
| 21 | Hà Thị Hoa | 9,00 | Chín | 61 | Lôi Thị Thao | 9,25 | Chín phẩy hai năm |
| 22 | Đàm Thị Phương Hoài | 9,25 | Chín phẩy hai năm | 62 | Lý Thị Thảo | 8,50 | Tám phẩy năm |

| | | | | | | | |
|----|-------------------|------|-------------------|----|----------------------|------|-------------------|
| 23 | Mã Xuân Hợp | 8,50 | Tám phẩy năm | 63 | Lâm Thu Thiều | 8,50 | Tám phẩy năm |
| 24 | Lý Thị Hợp | 9,00 | Chín | 64 | Chu Thị Thơm | 8,50 | Tám phẩy năm |
| 25 | Trịnh Minh Huệ | 9,75 | Chín phẩy bảy năm | 65 | Phạm Bằng Thuận | 8,50 | Tám phẩy năm |
| 26 | Nông Lý Huệ | 9,25 | Chín phẩy hai năm | 66 | Hà Thị Thu | 8,50 | Tám phẩy năm |
| 27 | Hoàng Mạnh Hùng | 8,75 | Tám phẩy bảy năm | 67 | Lương Thị Thanh Thủy | 8,50 | Tám phẩy năm |
| 28 | Hà Văn Huy | 8,50 | Tám phẩy năm | 68 | Hoàng Thu Thủy | 8,50 | Tám phẩy năm |
| 29 | Hoàng Văn Hưng | 8,50 | Tám phẩy năm | 69 | Trần Thị Thu Thúy | 9,75 | Chín phẩy bảy năm |
| 30 | Nông Thị Hương | 8,50 | Tám phẩy năm | 70 | Nông Thị Thúy | 8,50 | Tám phẩy năm |
| 31 | Đàm Thị Thu Hường | 8,75 | Tám phẩy bảy năm | 71 | Lê Thị Thương | 8,75 | Tám phẩy bảy năm |
| 32 | Hứa Thị Hường | 9,00 | Chín | 72 | Nguyễn Thị Trang | 9,00 | Chín |
| 33 | Ma Nông Hữu | 8,50 | Tám phẩy năm | 73 | Chu Thị Huyền Trang | 9,00 | Chín |
| 34 | Nông Thị Kiều | 8,75 | Tám phẩy bảy năm | 74 | Triệu Thị Trâm | 9,00 | Chín |
| 35 | Vương Văn Khuyến | 8,75 | Tám phẩy bảy năm | 75 | Bàn Hữu Trung | 8,50 | Tám phẩy năm |
| 36 | Lục Thị Lan | 9,00 | Chín | 76 | Hoàng Lê Vân | 9,50 | Chín phẩy năm |
| 37 | Nông Hồng Lanh | 9,00 | Chín | 77 | Trần Văn Việt | 8,50 | Tám phẩy năm |
| 38 | Long Thị Lãnh | 8,50 | Tám phẩy năm | 78 | Hoàng Văn Vinh | 8,50 | Tám phẩy năm |
| 39 | Nông Văn Lâm | 8,50 | Tám phẩy năm | 79 | Hoàng Xuân Vũ | 8,50 | Tám phẩy năm |
| 40 | Nguyễn Thị Tú Lệ | 9,00 | Chín | 80 | Hoàng Thị Hải Yến | | <i>Thôi học</i> |

Điểm 8,25: 02 điểm; Điểm 8,50: 41 điểm; Điểm 8,75: 09 điểm; Điểm 9,00: 13 điểm; Điểm 9,25: 07 điểm; Điểm 9,50: 03 điểm; Điểm 9,75: 03 điểm./.

GHI ĐIỂM

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thu Hằng

Đoàn Thị Vân Thủy



Trịnh Thị Ánh Hoa